TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 337/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 29 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 350/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc "*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Vũ Đình H, sinh năm 1996; địa chỉ: số nhà C, tổ B, khu D, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1991; địa chỉ: khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình H và chị Hoàng Thị H1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 28-11-2025; nên hôn nhân của anh H và chị H1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh H và chị H1 sống hạnh phúc; đến cuối tháng 6-2026 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh H và chị H1 đã sống ly thân từ cuối tháng 6-2026 đến nay không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Nay anh H và chị H1 đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh, chị. Xét thấy, việc anh H và chị H1 thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh H và chị H1 thỏa thuận anh, chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh H và chị H1 là tự nguyện, phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tài sản chung: Anh H và chị H1 thỏa thuận anh, chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh H

và chị H1 là tự nguyện, phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nợ chung: Anh H và chị H1 thỏa thuận anh, chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh H và chị H1 là tự nguyện, phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh H và chị H1 thỏa thuận anh H có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 21-7-2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình H và chị Hoàng Thị H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị H1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh H và chị H1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh H và chị H1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Vũ Đình H có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh H đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000239 ngày 17-7-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; anh H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1-Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga